

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/DS-ST.

Ngày 13 - 9 -2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hội”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Việt.

Ông Võ Minh Dẫn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2022/TLST-DS, ngày 19 tháng 5 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2022/QĐXXST- DS ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Tạ Thị Thu C; Sinh năm: 1969. Địa chỉ: ấp Ph, xã L, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng (*Có mặt*).

* ***Bị đơn:*** Phan Thị Kiều Th; Sinh năm: 1968. Địa chỉ: ấp Ph, xã L, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng (*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 3 năm 2022, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Tạ Thị Thu C trình bày:

1. Vào ngày 13/3/2015 (ÂL) bà Tạ Thị Thu C có làm đầu thảo 01 dây hội tuần, hội 100.000 đồng/01 tuần, dây hội có 75 người tham gia, trong dây hội này bà Th có tham gia góp hội và hót hội được số tiền là 6.115.000 đồng (hội đã mãn).

2. Vào ngày 05/11/2015 (ÂL) bà Tạ Thị Thu C có làm đầu thảo 01 dây hội tuần, hội 200.000 đồng/01 tuần, dây hội có 74 người tham gia, trong dây hội

này bà Th có tham gia góp hội và hốt hội được số tiền là 8.604.000 đồng (hội đã mãn).

3. Vào ngày 12/11/2015 (ÂL) bà Tạ Thị Thu C có làm đầu thảo 01 dây hội tuần, hội 200.000 đồng/01 tuần, dây hội có 71 người tham gia, trong dây hội này bà Th có tham gia góp hội và hốt hội được số tiền là 7.802.000 đồng (hội đã mãn).

Tổng cộng 03 dây hội bà Th hốt được số tiền là 36.500.000 đồng. Sau khi hốt hội thì bà Th có đóng hội chết lại cho bà Tạ Thị Thu C được số tiền là 5.100.000 đồng, còn nợ lại 31.400.000 đồng thì bà Th không đóng hội chết tiếp cho bà C.

4. Vào ngày 27/11/2015 (ÂL) bà Tạ Thị Thu C có làm đầu thảo 01 dây hội tuần, hội 100.000 đồng/01 tuần, dây hội có 61 người tham gia, trong dây hội này bà Th có tham gia góp hội và hốt hội được số tiền là 4.400.000 đồng (hội đã mãn).

5. Vào ngày 13/3/2016 (ÂL) bà Tạ Thị Thu C có làm đầu thảo 01 dây hội tuần, hội 100.000 đồng/01 tuần, dây hội có 75 người tham gia, trong dây hội này bà Th có tham gia góp hội và hốt hội được số tiền là 4.746.000 đồng (hội đã mãn).

Sau nhiều lần tham gia góp hội và góp hội chết thì sau khi bà Th hốt hội thì bà C đã khấu trừ vào số tiền bà Th đã thiếu là 8.400.000 đồng, bà Th còn nợ lại bà C số tiền là 23.000.000 đồng.

6. Ngày 28/3/2017 (ÂL) bà Tạ Thị Thu C có làm đầu thảo 01 dây hội tuần, hội 100.000 đồng/01 tuần, dây hội có 72 người tham gia, trong dây hội này bà Th có tham gia góp hội và hốt hội được số tiền là 4.620.000 đồng (hội đã mãn). Khi bà Th hốt hội thì bà C đã khấu trừ số tiền bà Th nợ bà C là 4.000.000 đồng, hai bên tổng kết nợ lại thì bà Th còn nợ lại bà C số tiền là 19.000.000 đồng, nhưng bà Th không đóng hội tiếp cho bà C. Bà C phải góp hội chết thay cho bà Th cho đến ngày mãn hội. Sau đó, thì bà C đã yêu cầu bà Th trả tiền nhiều lần thì bà Th có trả cho bà C được số tiền tổng cộng là 7.200.000 đồng (trong đó trả 08 lần x 500.000 đồng = 4.000.000 đồng, năm 2019 trả 2.000.000 đồng, năm 2020 trả 1.000.000 đồng, năm 2021 trả 200.000 đồng), còn lại số tiền là 11.800.000 đồng thì bà Th không trả tiếp cho bà C.

Nay bà Tạ Thị Thu C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phan Thị Kiều phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Tạ Thị Thu C số tiền hội còn nợ là 11.800.000 đồng (*Mười một triệu tám trăm nghìn đồng*), không yêu cầu tính lãi.

* Tại Tờ tường trình ngày 06 tháng 6 năm 2022, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là bà Phan Thị Kiều Th trình bày: Vào ngày 13/3/2015 bà Phan Thị Kiều Th có hợp đồng góp hội với bà Tạ Thị Thu C, bà Phan Thị Kiều Th là tay em, bà C là đầu thảo dây hội 200.000 đồng, hội 05 ngày khui 01 lần, trong dây hội này bà Th có tham gia 01 phần hội, dây hội có 75 phần. Hình thức góp hội là 05 ngày bà C đến báo với bà Th là hội ra lãi bao nhiêu thì bà Th đóng bấy nhiêu, bà C cũng không có giao giấy tờ gì cho bà Th. Bà Th tham gia đến khi mãn hội thì bà Th hốt hội chót.

Sau khi hội mãn thì bà C tiếp tục làm đầu thảo hội 01 dây hội mới, nhưng bà Th không nhớ ngày, tháng, chỉ nhớ là trong năm 2015. Dây hội

200.000 đồng, hội 05 ngày khui 01 lần, trong đây hội này bà Th có tham gia 01 phần hội, đây hội có 74 phần. Hình thức góp hội là 05 ngày bà C đến báo với bà Th là hội ra lãi bao nhiêu thì bà Th đóng bấy nhiêu, bà C cũng không có giao giấy tờ gì cho bà Th. Bà Th tham gia góp hội đến khi còn 08 phần nữa là mãn hội bà Th mới hót hội. Sau khi hót hội thì bà Th đã đóng hội chết cho bà C đến ngày mãn hội. Nay bà Th không thống nhất theo yêu cầu của bà C, vì bà Th đã đóng hội chết cho bà C đầy đủ trong năm 2016 rồi, từ đó đến nay hai bên không có tham gia góp hội với nhau, nên hiện nay bà Th không có nợ tiền bà C.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

1. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề phát biểu ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có hợp đồng góp hội với nhau. Nguyên đơn cho rằng bị đơn có trả tiền, nhưng trả chưa đủ còn nợ lại số tiền là 11.800.000 đồng, bị đơn thừa nhận có tham gia góp hội với nguyên đơn, có nợ tiền của nguyên đơn, nhưng đã trả xong phần tiền hội trong năm 2016, nhưng bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh là đã trả xong tiền hội cho nguyên đơn. Đồng thời, tại biên bản hòa giải cơ sở ngày 22 tháng 02 năm 2022 bị đơn có trình bày: *“Tôi thừa nhận tôi có thiếu tiền hội của bà C, nhưng trước khi bà C đi Thành phố Hồ Chí Minh tôi đã trả tiền cho bà hết một phần, số tiền còn lại sau khi bà C đi thành phố Hồ Chí Minh tôi có trả góp cho con bà C mỗi tháng là 500.000 đồng đến khi trả dứt số nợ trên cho bà C”*. Tại phiên tòa bị đơn và nguyên đơn đều trình bày là nguyên đơn là bà C đi Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2020, như vậy cho thấy tại thời điểm năm 2020 hai bên còn thực hiện việc trả tiền cho nhau. Do đó, bị đơn cho rằng đã trả xong tiền cho nguyên đơn trong năm 2016 là không có cơ sở. Việc nguyên đơn cho rằng bị đơn còn nợ tiền hội và yêu cầu bị đơn bà Th phải hoàn trả số tiền hội là 11.800.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 117, Điều 119, Điều 398 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 5, 6, 7, 8, 16 và Điều 24 của Nghị định số 19/NĐ- CP, ngày 19/02/2022 về hộ, hội, biếu, phụng của Chính phủ buộc bà Phan Thị Kiều Th phải hoàn trả cho bà Tạ Thị Thu C số tiền hội là 11.800.000 đồng. Về án phí buộc các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì giữa nguyên đơn và bị đơn có hợp đồng góp hụi với nhau nhiều lần, do bị đơn không góp tiền hụi chết cho nguyên đơn, nên nguyên đơn phải góp hụi chết thay cho bị đơn, hiện nay bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền hụi mà nguyên đơn phải góp thay cho bị đơn là 11.800.000 đồng. Do bị đơn vi phạm hợp đồng, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải hoàn trả số tiền là 11.800.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp phát sinh trong vụ kiện này là Tranh chấp Hợp đồng góp hụi theo Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn là bà Phan Thị Kiều Th phải hoàn trả số tiền hụi là 11.800.000 đồng.

Tại phiên tòa bị đơn là bà Phan Thị Kiều Th cho rằng bà Th chỉ có tham gia góp hụi với bà C 02 đây hụi trong năm 2015, bà Th đã góp xong tiền hụi cho bà C trong năm 2016, nên bà Th không còn nợ tiền hụi của bà C và không thống nhất hoàn trả tiền cho bà C.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có hợp đồng góp hụi với nhau. Nguyên đơn cho rằng bị đơn có trả tiền, nhưng trả chưa đủ còn nợ lại số tiền là 11.800.000 đồng, bị đơn thừa nhận có tham gia góp hụi với nguyên đơn, có nợ tiền của nguyên đơn, nhưng đã trả xong phần tiền hụi trong năm 2016, nhưng bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh là đã trả xong tiền hụi cho nguyên đơn. Đồng thời, tại biên bản hòa giải cơ sở ngày 22 tháng 02 năm 2022 bị đơn có trình bày: *“Tôi thừa nhận tôi có thiếu tiền hụi của bà C, nhưng trước khi bà C đi Thành phố Hồ Chí Minh tôi đã trả tiền cho bà hết một phần, số tiền còn lại sau khi bà C đi thành phố Hồ Chí Minh tôi có trả góp cho con bà C mỗi tháng là 500.000 đồng đến khi trả dứt số nợ trên cho bà C”*. Tại phiên tòa bị đơn và nguyên đơn đều trình bày là nguyên đơn là bà C đi Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2020, như vậy cho thấy tại thời điểm năm 2020 hai bên còn thực hiện việc trả tiền cho nhau. Do đó, bị đơn cho rằng đã trả xong tiền cho nguyên đơn trong năm 2016 là không có cơ sở. Việc nguyên đơn cho rằng bị đơn còn nợ tiền hụi và yêu cầu bị đơn bà Th phải hoàn trả số tiền hụi là 11.800.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở.

Xét về hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng nhận thấy: Bà C và bà Th có hợp đồng góp hụi với nhau, bà C là đầu thảo, bà Th là thành viên, do đó xác định đây là quan hệ hợp đồng góp hụi theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 5, 6, 7, 8, và Điều 16 của Nghị định số 19/NĐ-CP, ngày 19/02/2022 về họ, hụi, biếu, phụng của Chính phủ. Bà C và bà Th là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng đều hoàn toàn dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên, đối tượng giao dịch được pháp luật cho phép, hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng phù hợp với pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận đây là hợp đồng góp hụi hợp

pháp và giải quyết hậu quả phát sinh từ hợp đồng này. Vì vậy, căn cứ các Điều 117, Điều 119, Điều 398 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 5, 6, 7, 8, 16 và Điều 24 của Nghị định số 19/NĐ- CP, ngày 19/02/2022 về họ, họ, biếu, phường của Chính phủ buộc bà Phan Thị Kiều Th phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Tạ Thị Thu C số tiền hủi là 11.800.000 đồng, không tính lãi.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tổ tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bà Phan Thị Kiều Th phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 590.000 đồng. Bà Tạ Thị Thu C không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Tạ Thị Thu C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002114 ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

[4] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề. Như đã nhận định ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; Các Điều 117, Điều 119, Điều 398 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 5, 6, 7, 8, 16 và Điều 24 của Nghị định số 19/NĐ- CP, ngày 19/02/2022 về họ, họ, biếu, phường của Chính phủ; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị Thu C.

Buộc bà Phan Thị Kiều Th phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Tạ Thị Thu C số tiền hủi là 11.800.000 đồng (*Mười một triệu tám trăm nghìn đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền 11.800.000 đồng (*Mười một triệu tám trăm nghìn đồng*) thì hàng tháng bà Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị Kiều Th phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 590.000 đồng (*Năm trăm chín mươi nghìn đồng*). Bà Tạ Thị Thu C không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Tạ Thị Thu C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002114 ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Bà Tạ Thị Thu C, bà Phan Thị Kiều Th có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Mỹ Xuyên